Khoa học bằng tiếng Đức

206 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	**der Vergleich** B1 /deːɐ̯ fɛɐ̯'glaɪ̯ç/ số nhiều die Vergleiche	Sự so sánh	B1–B2
2	**die Frage** A1 /diː 'fʁaːgə/ số nhiều die Fragen	Câu hỏi	A1–A2
3	**die Drittmittel** C1 /diː 'dʁɪtˌmɪtl̩/	Tài trợ của bên thứ ba	C1
4	**die Datenerhebung** C1 /diː 'daːtn̩ʔɛɐ̯ˌheːbʊŋ/ số nhiều die Datenerhebungen	Thu thập dữ liệu	C1
5	**die Literaturrecherche** C1 /diː litəʁa'tuːɐ̯ʁeˌʃɛʁʃə/ số nhiều die Literaturrecherchen	Tra cứu tài liệu khoa học	C1
6	**der Stoffwechsel** B2 /deːɐ̯ 'ʃtɔfˌvɛksl̩/ số nhiều die Stoffwechsel	Sự trao đổi chất	C1
7	**die Tomografie** C1 /diː tomogʁa'fiː/ số nhiều die Tomografien	Chụp cắt lớp	C1
8	**die Kosmologie** C1 /diː kɔsmolo'giː/ số nhiều die Kosmologien	Vũ trụ học	C1
9	**Peer-Review** C1 /'pɪɐ̯ ʁɪˌvjuː/ das · số nhiều die Peer-Reviews	Đánh giá ngang hàng	C1
10	**die Forschungsförderung** C1 /diː 'fɔʁʃʊŋsˌfœʁdəʁʊŋ/ số nhiều die Forschungsförderungen	Tài trợ nghiên cứu	C1
11	**die Doppelblindstudie** C1 /diː 'dɔpl̩blɪntˌʃtuːdi̯ə/ số nhiều die Doppelblindstudien	Nghiên cứu mù đôi	C1
12	**die Einverständniserklärung** B2 /diː 'ʔaɪ̯nfɛɐ̯ʃtɛntnɪsʔɛɐ̯ˌklɛːʁʊŋ/ số nhiều die Einverständniserklärungen	Tuyên bố đồng ý	C1
13	**die Symbiose** C1 /diː zʏmbi'oːzə/ số nhiều die Symbiosen	Sự cộng sinh	C1
14	**die Bestäubung** B2 /diː bə'ʃtɔɪ̯bʊŋ/ số nhiều die Bestäubungen	Thụ phấn	C1
15	**die Keimung** C1 /diː 'kaɪ̯mʊŋ/ số nhiều die Keimungen	Nảy mầm	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
16	**die Nanopartikel** C1 /diː ˈnaːnopaʁˌtiːkl̩/	Các hạt nano	C1
17	**die Nanotechnologie** C1 /diː ˈnaːnotɛçnoloˌgiː/ số nhiều die Nanotechnologien	Công nghệ nano	C1
18	**die Patentanmeldung** C1 /diː paˈtɛntˌʔanmɛldʊŋ/ số nhiều die Patentanmeldungen	Đơn xin cấp bằng sáng chế	C1
19	**die Gruppe** A1 /diː ˈgʁʊpə/ số nhiều die Gruppen	Nhóm	A1–A2
20	**das Programm** A1 /das pʁoˈgʁam/ số nhiều die Programme	Chương trình	A1–A2
21	**die Replikation** C1 /diː ʁeplikaˈtsi̯oːn/ số nhiều die Replikationen	Sự nhân đôi	C1
22	**die Reproduzierbarkeit** C1 /diː ʁepʁoduˈtsiːʁ̞baːʁ̞kaɪ̯t/	Khả năng tái tạo	C1
23	**Machine Learning** C1 /məˈʃiːn ˈlœːʁ̞nɪŋ/ das	học máy	C1
24	**das Symposium** C1 /das zʏmˈpoːzi̯ʊm/ số nhiều die Symposien	Hội nghị khoa học	C1
25	**die Paneldiskussion** C1 /diː ˈpɛnl̩dɪskʊˌsi̯oːn/ số nhiều die Paneldiskussionen	Thảo luận nhóm	C1
26	**die Relativitätstheorie** C1 /diː ʁelativiˈtɛːtsteoˌʁiː/ số nhiều die Relativitätstheorien	Thuyết tương đối	C1
27	**das Röntgen** B1 /das ˈʁœntgən/	Chụp X-quang	B1–B2
28	**der Ultraschall** B2 /deːʁ̞ ˈʊltʁaˌʃal/	Siêu âm	B1–B2
29	**die Signifikanz** C1 /diː zɪgnifiˈkants/ số nhiều die Signifikanzen	Mức ý nghĩa thống kê	C1
30	**die Quantenphysik** C1 /diː ˈkvantənfyˌziːk/	Vật lý lượng tử	C1
31	**Akademische Integrität** C1 /akaˈdeːmɪʃə ʔɪntegʁiˈtɛːt/ die	Tính chính trực trong học thuật	C1
32	**die Ethikkommission** C1 /diː ˈeːtɪkkɔmiˌsi̯oːn/ số nhiều die Ethikkommissionen	Ủy ban đạo đức	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
33	**die Wissenschaftskommunikation** C1 /di: 'vɪsənʃaftskɔmunika,tsi̯o:n/	Truyền thông khoa học	C1
34	**die Feldforschung** C1 /di: 'fɛlt,fɔʁʃʊŋ/ số nhiều die Feldforschungen	Nghiên cứu thực địa	C1
35	**die Metaanalyse** C1 /di: 'me:taʔana,ly:zə/ số nhiều die Metaanalysen	Phân tích tổng hợp	C1
36	**der Förderantrag** B2 /de:ɐ̯ 'fœʁdɐ,ʔantʁa:k/ số nhiều die Förderanträge	Đơn xin tài trợ	C1
37	**das Klimamodell** C1 /das 'kli:mamo,dɛl/ số nhiều die Klimamodelle	Mô hình khí hậu	C1
38	**die Forschungsethik** C1 /di: 'fɔʁʃʊŋs,ʔe:tɪk/	Đạo đức nghiên cứu	C1
39	**die Taxonomie** C1 /di: taksono'mi:/ số nhiều die Taxonomien	Phân loại học	C1
40	**das Chlorophyll** C1 /das klоʁo'fʏl/	Diệp lục	C1
41	**der Chloroplast** C1 /de:ɐ̯ kloʁo'plast/ số nhiều die Chloroplasten	Lục lạp	C1
42	**Randomisierte Studie** C1 /ʁandɔmi'zi:ɐ̯tə 'ʃtu:di̯ə/ die · số nhiều die randomisierten Studien	Nghiên cứu ngẫu nhiên	C1
43	**die Randomisierung** C1 /di: ʁandɔmi'zi:ʁʊŋ/ số nhiều die Randomisierungen	Ngẫu nhiên hóa	C1
44	**der Teilchenbeschleuniger** C1 /de:ɐ̯ 'taɪ̯lçən bə,ʃlɔɪ̯nɪgɐ/ số nhiều die Teilchenbeschleuniger	Máy gia tốc hạt	C1
45	**die Ornithologie** C2 /di: ʔɔʁnitolo'gi:/	Điểu học	C1
46	**die Datei** A2 /di: da'taɪ̯/ số nhiều die Dateien	Tệp tin	A1–A2
47	**Impact Factor** C1 /'ɪmpɛkt ˌfɛktɐ/ der · số nhiều die Impact Factors	Hệ số tác động	C1
48	**das Laborjournal** C1 /das la'bo:ɐ̯ʒʊʁˌna:l/ số nhiều die Laborjournale	Nhật ký phòng thí nghiệm	C1
49	**die Petrischale** C1 /di: 'pe:tʁi,ʃa:lə/ số nhiều die Petrischalen	Đĩa Petri	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
50	**Grants Management** C1 /ˈgʁɛnts ˈmɛnɪtʃmənt/ das	Quản lý tài trợ	C1
51	**die Publikationsgebühr** C1 /diː publikaˈtsi̯oːnsgəˌbyːɐ̯/ số nhiều die Publikationsgebühren	Phí xuất bản	C1
52	**der Fotodetektor** C1 /deːɐ̯ ˈfoːtodeˌtɛktoːɐ̯/ số nhiều die Fotodetektoren	Đầu dò quang	C1
53	**das Kulturmedium** C2 /das kʊlˈtuːɐ̯ˌmeːdiʊm/ số nhiều die Kulturmedien	Môi trường nuôi cấy	C1
54	**die Zentrifuge** C1 /diː tsɛntʁiˈfuːgə/ số nhiều die Zentrifugen	Máy ly tâm	C1
55	**die Spektroskopie** C2 /diː ʃpɛktʁoskoˈpiː/	Quang phổ học	C1
56	**die Chromatografie** C2 /diː kʁomatogʁaˈfiː/ số nhiều die Chromatografien	Sắc ký	C1
57	**die Elektrophorese** C2 /diː elɛktʁofoˈʁeːzə/ số nhiều die Elektrophoresen	Điện di	C1
58	**die Hadronen** C2 /diː haˈdʁoːnən/	Hadron	C1
59	**die Lebenszyklusanalyse** C1 /diː ˈleːbənsˌtsyːklʊsʔanaˌlyːzə/ số nhiều die Lebenszyklusanalysen	Phân tích vòng đời	C1
60	**das Projekt** A2 /das pʁoˈjɛkt/ số nhiều die Projekte	Dự án	A1–A2
61	**die Neuroplastizität** C2 /diː ˌnɔɪ̯ʁoplastitsiˈtɛːt/	Tính dẻo của thần kinh	C1
62	**die Synapse** C1 /diː zyˈnapsə/ số nhiều die Synapsen	Khớp thần kinh	C1
63	**der Neurotransmitter** C1 /deːɐ̯ ˈnɔɪ̯ʁotʁansˌmɪtɐ/ số nhiều die Neurotransmitter	Chất dẫn truyền thần kinh	C1
64	**die Spiegelneuronen** C2 /diː ˈʃpiːgəlnɔɪ̯ˌʁoːnən/	Tế bào thần kinh gương	C1
65	**die Zeitdilatation** C2 /diː ˈtsaɪtdilataˌtsi̯oːn/ số nhiều die Zeitdilatationen	Sự giãn nở thời gian	C1
66	**die Replikationskrise** C1 /diː ʁeplikaˈtsi̯oːnsˌkʁiːzə/ số nhiều die Replikationskrisen	Khủng hoảng khả năng tái lặp	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
67	**die Posterpräsentation** C1 /diː ˈpoːstɐpʁɛzɛnta͡ˌtsi̯oːn/ số nhiều die Posterpräsentationen	Trình bày áp phích	C1
68	**der Test** A1 /deːɐ̯ ˈtɛst/ số nhiều die Tests	Bài kiểm tra	A1–A2
69	**die Stringtheorie** C1 /diː ˈstʁɪŋteoˌʁiː/ số nhiều die Stringtheorien	Lý thuyết dây	C1
70	**das Konfidenzintervall** C2 /das kɔnfiˈdɛntsʔɪnteˌval/ số nhiều die Konfidenzintervalle	Khoảng tin cậy	C1
71	**das Ergebnis** A2 /das ɛɐ̯ˈgeːpnɪs/ số nhiều die Ergebnisse	Kết quả	A1–A2
72	**die Antwort** A1 /diː ˈantvɔʁt/ số nhiều die Antworten	Câu trả lời	A1–A2
73	**die Zellwand** B2 /diː ˈtsɛlˌvant/ số nhiều die Zellwände	Thành tế bào	C1
74	**die Mykologie** C2 /diː mykoloˈgiː/	Nấm học	C1
75	**die Superposition** C1 /diː ˌzuːpɐpoziˈtsi̯oːn/ số nhiều die Superpositionen	Chồng chất	C1
76	**die Verschränkung** C2 /diː fɛɐ̯ˈʃʁɛŋkʊŋ/ số nhiều die Verschränkungen	Sự vướng víu	C1
77	**das Protein** B2 /das pʁoteˈʔiːn/ số nhiều die Proteine	Chất đạm	B1–B2
78	**die Probe** B1 /diː ˈpʁoːbə/ số nhiều die Proben	Vật mẫu	B1–B2
79	**die Chemikalie** B2 /diː çemiˈkaːli̯ə/ số nhiều die Chemikalien	Hóa chất	B1–B2
80	**Limbisches System** C1 /ˈlɪmbɪʃəs zʏsˈteːm/ das · số nhiều die limbischen Systeme	Hệ thống limbic	C1
81	**die Skizze** B1 /diː ˈskɪtsə/ số nhiều die Skizzen	Phác thảo	B1–B2
82	**Präfrontaler Cortex** C2 /pʁɛfʁɔnˈtaːlɐ ˈkɔʁtɛks/ der · số nhiều die präfrontalen Cortices	Vỏ não trước trán	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
83	**die Analyse** B2 /di: ana'ly:zə/ số nhiều die Analysen	Việc phân tích	B1–B2
84	**der Hippocampus** C2 /de:ɐ̯ hɪpo'kampʊs/ số nhiều die Hippocampi	Hồi hải mã	C1
85	**die Beobachtung** B1 /di: bə'ʔo:baxtʊŋ/ số nhiều die Beobachtungen	Quan sát	B1–B2
86	**die Amygdala** C2 /di: a'mʏgdala/ số nhiều die Amygdalae	Hạnh nhân	C1
87	**der Versuch** B1 /de:ɐ̯ fɛɐ̯'zu:x/ số nhiều die Versuche	Thí nghiệm	B1–B2
88	**die Entdeckung** B1 /di: ɛnt'dɛkʊŋ/ số nhiều die Entdeckungen	Khám phá	B1–B2
89	**die Nahrungskette** B2 /di: 'na:ʁʊŋsˌkɛtə/ số nhiều die Nahrungsketten	Chuỗi thức ăn	B1–B2
90	**die Population** B2 /di: popula'tsi̯o:n/ số nhiều die Populationen	Quần thể	B1–B2
91	**das Virus** B1 /das 'vi:ʁʊs/ số nhiều die Viren	Vi-rút	A1–A2
92	**Citation Index** C2 /sa͡ɪ'te͡ɪʃən ˌɪndɛks/ der · số nhiều die Citation Indexes	Chỉ mục trích dẫn	C1
93	**der Zitationsindex** C1 /de:ɐ̯ tsita'tsi̯o:nsˌʔɪndɛks/ số nhiều die Zitationsindizes	Chỉ số trích dẫn	C1
94	**der Zitationsstil** C1 /de:ɐ̯ tsita'tsi̯o:nsˌʃti:l/ số nhiều die Zitationsstile	Phong cách trích dẫn	C1
95	**die Statistik** B1 /di: ʃta'tɪstɪk/ số nhiều die Statistiken	Thống kê	B1–B2
96	**das Protokoll** B1 /das pʁoto'kɔl/ số nhiều die Protokolle	Biên bản cuộc họp	B1–B2
97	**die Kontrolle** A2 /di: kɔn'tʁɔlə/ số nhiều die Kontrollen	Khám kiểm tra	A1–A2
98	**die Methodik** C1 /di: me'to:dɪk/ số nhiều die Methodiken	Phương pháp luận	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
99	**die Hypothese** B2 /di: hypo'te:zə/ số nhiều die Hypothesen	Giả thuyết	B1–B2
100	**der Zeitplan** B1 /de:ɐ̯ 'tsaɪ̯t͡ˌpla:n/ số nhiều die Zeitpläne	Lịch trình	A1–A2
101	**das Labor** B1 /das la'bo:ɐ̯/ số nhiều die Labore	Phòng thí nghiệm	B1–B2
102	**der Compiler** C1 /de:ɐ̯ kɔm'paɪ̯lɐ/ số nhiều die Compiler	Trình biên dịch	C1
103	**der Hochleistungsrechner** C1 /de:ɐ̯ 'ho:xlaɪ̯stʊŋsˌʁɛçnɐ/ số nhiều die Hochleistungsrechner	Máy tính hiệu suất cao	C1
104	**ORCID** C1 /'ɔʁkɪt/ die	ORCID	C1
105	**Dunkle Materie** C1 /'dʊŋklə ma'te:ʁi̯ə/ die	Vật chất tối	C1
106	**die Astronautik** C1 /di: astʁo'naʊ̯tɪk/	Du hành vũ trụ	C1
107	**der Impact-Faktor** C1 /de:ɐ̯ 'ɪmpɛkt͡ˌfakto:ɐ̯/ số nhiều die Impact-Faktoren	Hệ số tác động	C1
108	**das Forschungsdatenmanagement** C1 /das 'fɔʁʃʊŋsˌda:tn̩ˌmɛnɪtʃmənt/	Quản lý dữ liệu nghiên cứu	C1
109	**das Studienprotokoll** C2 /das 'ʃtu:di̯ənpʁoto͡ˌkɔl/ số nhiều die Studienprotokolle	Đề cương nghiên cứu	C1
110	**die Plagiaterkennung** C1 /di: pla'gi̯a:tʔɛɐ̯ˌkɛnʊŋ/	Phát hiện đạo văn	C1
111	**das Gen** B2 /das ge:n/ số nhiều die Gene	Gen	B1–B2
112	**die DNA** B2 /di: de:ʔɛn'ʔa:/	ADN	B1–B2
113	**die Genetik** B2 /di: ge'ne:tɪk/	Di truyền học	B1–B2
114	**die Mutation** B2 /di: muta'tsi̯o:n/ số nhiều die Mutationen	Đột biến	B1–B2
115	**das Forschungsprojekt** B2 /das 'fɔʁʃʊŋspʁo͡ˌjɛkt/ số nhiều die Forschungsprojekte	Dự án nghiên cứu	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
116	**der Forscher** B1 /deːɐ̯ ˈfɔʁʃɐ/ số nhiều die Forscher	Nhà nghiên cứu	B1–B2
117	**die Forscherin** B1 /diː ˈfɔʁʃəʁɪn/ số nhiều die Forscherinnen	Nữ nghiên cứu viên	B1–B2
118	**die Herpetologie** C2 /diː hɛʁpetoloˈgiː/	Bò sát học	C1
119	**die Entomologie** C2 /diː ɛntomoloˈgiː/	Côn trùng học	C1
120	**die Wissenschaft** B1 /diː ˈvɪsənʃaft/ số nhiều die Wissenschaften	Khoa học	A1–A2
121	**die Waage** A2 /diː ˈvaːgə/ số nhiều die Waagen	Cái cân	A1–A2
122	**die Simulation** B2 /diː zimulaˈtsi̯oːn/ số nhiều die Simulationen	Mô phỏng	B1–B2
123	**die Theorie** B1 /diː teoˈʁiː/ số nhiều die Theorien	Lý thuyết	B1–B2
124	**der Assistent** B1 /deːɐ̯ asɪˈstɛnt/ số nhiều die Assistenten	Trợ lý	B1–B2
125	**der Sauerstoff** B1 /deːɐ̯ ˈzaʊ̯ɐˌʃtɔf/	Ôxy	B1–B2
126	**die Formel** B1 /diː ˈfɔʁml̩/ số nhiều die Formeln	Công thức	B1–B2
127	**die Gleichung** B1 /diː ˈglaɪ̯çʊŋ/ số nhiều die Gleichungen	Phương trình	B1–B2
128	**der Bericht** B1 /deːɐ̯ bəˈʁɪçt/ số nhiều die Berichte	Bản báo cáo	B1–B2
129	**die Nachhaltigkeit** B2 /diː ˈnaːxhaltɪçkaɪ̯t/	Tính bền vững	B1–B2
130	**das Spektrum** B2 /das ˈʃpɛktʁʊm/ số nhiều die Spektren	Quang phổ	B1–B2
131	**die Galaxie** B2 /diː galaˈksiː/ số nhiều die Galaxien	Thiên hà	B1–B2
132	**Schwarzes Loch** B2 /ˈʃvaʁtsəs ˈlɔx/ das · số nhiều die schwarzen Löcher	Lỗ đen	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
133	**die Astronomie** B2 /diː astʁonoˈmiː/	Thiên văn học	B1–B2
134	**der Satellit** B1 /deːɐ̯ zatɛˈliːt/ số nhiều die Satelliten	Vệ tinh	B1–B2
135	**die Schwerkraft** B1 /diː ˈʃveːɐ̯ˌkʁaft/	Trọng lực	B1–B2
136	**die Tabelle** A2 /diː taˈbɛlə/ số nhiều die Tabellen	Bảng	B1–B2
137	**das Diagramm** B1 /das diaˈgʁam/ số nhiều die Diagramme	Sơ đồ	A1–A2
138	**das Modell** A2 /das moˈdɛl/ số nhiều die Modelle	Mô hình	A1–A2
139	**das Thermometer** A2 /das tɛʁmoˈmeːtɐ/ số nhiều die Thermometer	Nhiệt kế	A1–A2
140	**der Laser** B2 /deːɐ̯ ˈleːzɐ/ số nhiều die Laser	Tia laser	A1–A2
141	**das Atom** B1 /das aˈtoːm/ số nhiều die Atome	Nguyên tử	A1–A2
142	**die Qualitätskontrolle** B2 /diː kvaliˈtɛːtskɔnˌtʁɔlə/ số nhiều die Qualitätskontrollen	Kiểm soát chất lượng	B1–B2
143	**Künstliche Intelligenz** B2 /ˈkʏnstlɪçə ʔɪntɛliˈgɛn͡ts/ die	Trí tuệ nhân tạo	B1–B2
144	**der Algorithmus** B2 /deːɐ̯ algoˈʁɪtmʊs/ số nhiều die Algorithmen	Thuật toán	B1–B2
145	**die Datenbank** B1 /diː ˈdaːtn̩ˌbaŋk/ số nhiều die Datenbanken	Cơ sở dữ liệu	B1–B2
146	**die Cyber-Sicherheit** B2 /diː ˈsaɪ̯beˌzɪçɐhaɪ̯t/	An ninh mạng	B1–B2
147	**die Messung** B2 /diː ˈmɛsʊŋ/ số nhiều die Messungen	Đo lường	B1–B2
148	**das Budget** B1 /das byˈdʒeː/ số nhiều die Budgets	Khoản ngân sách	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
149	**die Quellenangabe** B2 /di: 'kvɛlənˌʔanga:bə/ số nhiều die Quellenangaben	Nguồn tham khảo	B1–B2
150	**das Plagiat** C1 /das plaˈgi̯a:t/ số nhiều die Plagiate	Đạo văn	B1–B2
151	**die Fachzeitschrift** B2 /di: 'faxˌtsai̯tʃʁɪft/ số nhiều die Fachzeitschriften	Tạp chí chuyên ngành	B1–B2
152	**die Publikation** B2 /di: publikaˈtsi̯o:n/ số nhiều die Publikationen	ấn phẩm công bố	B1–B2
153	**die Evolution** B2 /di: evoluˈtsi̯o:n/ số nhiều die Evolutionen	Sự tiến hóa	B1–B2
154	**das Urheberrecht** B2 /das 'u:e̯he:beˌʁɛçt/ số nhiều die Urheberrechte	Bản quyền	B1–B2
155	**die Innovation** B2 /di: ʔɪnovaˈtsi̯o:n/ số nhiều die Innovationen	Sự đổi mới	B1–B2
156	**der Tierversuch** B2 /de:e̯ 'ti:e̯fɛe̯ˌzu:x/ số nhiều die Tierversuche	Thử nghiệm trên động vật	B1–B2
157	**die Zulassung** B2 /di: 'tsu:ˌlasʊŋ/ số nhiều die Zulassungen	Sự cấp phép	B1–B2
158	**die Norm** B2 /di: 'nɔʁm/ số nhiều die Normen	Tiêu chuẩn	B1–B2
159	**die Richtlinie** B2 /di: 'ʁɪçtˌli:ni̯ə/ số nhiều die Richtlinien	Chỉ thị	B1–B2
160	**das Szenario** B2 /das stseˈna:ʁi̯o/ số nhiều die Szenarien	Kịch bản diễn biến	B1–B2
161	**der Datenschutz** B1 /de:e̯ 'da:tənˌʃʊts/	Bảo vệ dữ liệu	B1–B2
162	**die Fallstudie** B2 /di: 'falˌʃtu:di̯ə/ số nhiều die Fallstudien	Nghiên cứu điển hình	B1–B2
163	**der Sensor** B2 /de:e̯ 'zɛnzo:e̯/ số nhiều die Sensoren	Cảm biến	B1–B2
164	**die Gravitation** B2 /di: gʁavitaˈtsi̯o:n/	lực hấp dẫn	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
165	**das Placebo** C1 /das pla'tse:bo/ số nhiều die Placebos	Giả dược	B1–B2
166	**die Risikobewertung** C1 /di: 'ʁi:zikobəˌve:ɐ̯tʊŋ/ số nhiều die Risikobewertungen	Đánh giá rủi ro	B1–B2
167	**die Konstante** B2 /di: kɔn'stantə/ số nhiều die Konstanten	Hằng số	B1–B2
168	**die Variable** B2 /di: va'ʁi̯a:blə/ số nhiều die Variablen	Biến	B1–B2
169	**die Mikrobe** B2 /di: mi'kʁo:bə/ số nhiều die Mikroben	Vi sinh vật	B1–B2
170	**die Botanik** B2 /di: bo'ta:nɪk/	Thực vật học	B1–B2
171	**die Zoologie** B2 /di: tsoolo'gi:/	Động vật học	B1–B2
172	**das Experiment** B1 /das ɛkspeʁi'mɛnt/ số nhiều die Experimente	Cuộc thí nghiệm	A1–A2
173	**die Zelle** B1 /di: 'tsɛlə/ số nhiều die Zellen	Tế bào	A1–A2
174	**die Rakete** B1 /di: ʁa'ke:tə/ số nhiều die Raketen	Tên lửa	A1–A2
175	**das Bakterium** B1 /das bak'te:ʁi̯ʊm/ số nhiều die Bakterien	Vi khuẩn	B1–B2
176	**das Mikroskop** B1 /das mikʁo'sko:p/ số nhiều die Mikroskope	Kính hiển vi	B1–B2
177	**der Laborversuch** B2 /de:ɐ̯ la'bo:ɐ̯fɛɐ̯ˌzu:x/ số nhiều die Laborversuche	Thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	B1–B2
178	**der Laborleiter** B2 /de:ɐ̯ la'bo:ɐ̯ˌlaɪ̯tɐ/ số nhiều die Laborleiter	Quản lý phòng thí nghiệm	B1–B2
179	**die Lichtquelle** B2 /di: 'lɪçtˌkvɛlə/ số nhiều die Lichtquellen	Nguồn sáng	B1–B2
180	**das Enzym** B2 /das ɛn'tsy:m/ số nhiều die Enzyme	Enzim	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
181	**die Immunreaktion** C1 /diː ʔɪˈmuːnʁeʔakˌtsi̯oːn/ số nhiều die Immunreaktionen	Phản ứng miễn dịch	B1–B2
182	**der Inkubator** C1 /deːɐ̯ ɪnkuˈbaːtoːɐ̯/ số nhiều die Inkubatoren	Tủ ấm nuôi cấy	B1–B2
183	**die Blockchain** B2 /diː ˈblɔkˌtʃeɪ̯n/ số nhiều die Blockchains	Chuỗi khối	B1–B2
184	**Big Data** B2 /ˌbɪg ˈdɛɪ̯tə/ die	Dữ liệu lớn	B1–B2
185	**das Barometer** B2 /das baʁoˈmeːtɐ/ số nhiều die Barometer	Phong vũ biểu	B1–B2
186	**das Abstract** C1 /das ˈʔɛpstʁɛkt/ số nhiều die Abstracts	Tóm tắt bài nghiên cứu	B1–B2
187	**das Messgerät** B2 /das ˈmɛsgəˌʁɛːt/ số nhiều die Messgeräte	Thiết bị đo lường	B1–B2
188	**das Cortisol** C1 /das kɔʁtiˈzoːl/	Cortisol	B1–B2
189	**das Dopamin** C1 /das dopaˈmiːn/	Dopamine	B1–B2
190	**das Serotonin** C1 /das zeʁotoˈniːn/	Serotonin	B1–B2
191	**Open Access** C1 /ˈoʊ̯pən ˈʔɛksɛs/ der	Truy cập mở	B1–B2
192	**Open Science** C1 /ˈoʊ̯pən ˈsaɪ̯ənts/ die	Khoa học mở	B1–B2
193	**die Linse** B2 /diː ˈlɪnzə/ số nhiều die Linsen	Thấu kính	B1–B2
194	**das Elektron** B2 /das elɛkˈtʁoːn/ số nhiều die Elektronen	Electron	B1–B2
195	**das Molekül** B2 /das moleˈkyːl/ số nhiều die Moleküle	Phân tử	B1–B2
196	**der Quellcode** B2 /deːɐ̯ ˈkvɛlˌkoːt/ số nhiều die Quellcodes	Mã nguồn	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
197	**das Lichtjahr** B2 /das 'lɪçtˌjaːɐ̯/ số nhiều die Lichtjahre	Năm ánh sáng	B1–B2
198	**das Teleskop** B2 /das teleˈskoːp/ số nhiều die Teleskope	Kính thiên văn	B1–B2
199	**die Raumsonde** B2 /diː ˈʁaʊ̯mˌzɔndə/ số nhiều die Raumsonden	Tàu thăm dò không gian	B1–B2
200	**die Laborratte** B2 /diː laˈboːɐ̯ˌʁatə/ số nhiều die Laborratten	Chuột thí nghiệm	B1–B2
201	**die Datenvisualisierung** C1 /diː ˈdaːtn̩vizualiˌziːʁʊŋ/ số nhiều die Datenvisualisierungen	Hình ảnh hóa dữ liệu	B1–B2
202	**die Kalibrierung** C1 /diː kaliˈbʁiːʁʊŋ/ số nhiều die Kalibrierungen	Hiệu chuẩn	B1–B2
203	**die Photosynthese** B2 /diː ˌfoːtozʏnˈteːzə/	Quang hợp	B1–B2
204	**der Nullpunkt** B2 /deːɐ̯ ˈnʊlˌpʊŋkt/ số nhiều die Nullpunkte	Điểm không	B1–B2
205	**das Reagenzglas** B2 /das ʁeaˈgɛntsˌglaːs/ số nhiều die Reagenzgläser	Ống nghiệm	B1–B2
206	**die Pipette** B2 /diː piˈpɛtə/ số nhiều die Pipetten	Ống nhỏ giọt	B1–B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: https://languageminute.com/vi/learn/de/topic/126-khoa-hoc
German Minute: https://apps.apple.com/app/id6749515334